

KẾ HOẠCH

Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022

Nhằm nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2022 của tỉnh, phấn đấu năm 2022, PAR Index của tỉnh tăng 5-7 bậc so với năm 2021 và triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính, bám sát chủ đề cải cách hành chính của tỉnh năm 2022 là “*Tăng cường kỷ cương, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh thực hiện chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số*”; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao PAR Index và SIPAS năm 2022, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục duy trì các chỉ số, chỉ số thành phần đạt kết quả cao; nâng cao các chỉ số, chỉ số thành phần chưa đạt điểm tối đa của PAR Index.
- Khắc phục những tồn tại, hạn chế và nâng cao SIPAS; trong đó, trọng tâm là nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCV) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã).
- Phấn đấu PAR Index và SIPAS năm 2022 tăng 5-7 bậc so với năm 2021.

2. Yêu cầu

- Hoàn thành 100% nhiệm vụ giao tại Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2022.
- Các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các cơ quan chủ trì các nội dung, lĩnh vực trong PAR Index của tỉnh đánh giá đúng thực trạng, kết quả đạt được và chủ động tham mưu UBND tỉnh giải pháp triển khai toàn diện, hiệu quả các nội dung, tiêu chí về đánh giá PAR Index của Trung ương và Bộ Nội vụ. Đồng thời, tăng cường phối hợp, nâng cao trách nhiệm giám sát, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác CCHC.
- Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong việc triển khai, thực hiện, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của PAR Index.
- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công của Trung tâm

Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

- Trang bị và nâng cấp các thiết bị làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã; quan tâm lấy ý kiến người dân, tổ chức đến yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính và chủ động cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ công.

- Đạt mục tiêu phấn đấu theo tiêu chí, tiêu chí thành phần của PAR Index và SIPAS năm 2022 (*Phụ lục I*).

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tập trung khắc phục, cải thiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần còn chưa đạt điểm tối đa PAR Index(18 tiêu chí, tiêu chí thành phần)

1.1. Tiêu chí “Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hoàn thành đúng tiến độ 100% nhiệm vụ được giao trong năm 2022.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tăng cường theo dõi, tham mưu, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

- Các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao năm 2022 đảm bảo đúng hạn, đúng quy định.

- Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện, không để xảy ra tình trạng quá hạn.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.2. Tiêu chí “Tác động của cải cách đến chất lượng văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý trên địa bàn tỉnh đánh giá tốt về chất lượng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do tỉnh ban hành.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

Đề nghị Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh chỉ đạo:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành ở tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện tăng

cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc xây dựng, góp ý văn bản QPPL tỉnh, cấp huyện khi được lấy ý kiến.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, HĐND, UBND cấp huyện, khi thực hiện văn bản QPPL của tỉnh, nếu thấy không khả thi, vướng mắc trong thực hiện cần kịp thời phản ánh cơ quan chuyên môn để xem xét, điều chỉnh.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố cần đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách đã được thông qua trong các văn bản QPPL của tỉnh, cấp huyện đến toàn thể CBCCVV thuộc cơ quan, đơn vị (trong đó có các lãnh đạo cơ quan, đơn vị) và đối tượng liên quan trực tiếp bằng nhiều hình thức, đặc biệt là các VBQPPL do cơ quan, đơn vị tham mưu hoặc ban hành, để nâng cao nhận thức của CBCCVV và người dân về tác động của các chính sách, quy định trong văn bản QPPL của tỉnh đối với bản thân; đồng thời, để nắm rõ quy trình, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản QPPL.

- Sở Tư pháp tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, góp ý, thẩm định, kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản để góp phần nâng cao tính đồng bộ, thống nhất, hợp lý, khả thi của văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.3. Tiêu chí thành phần “Công khai thủ tục hành chính (TTHC) trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại 3 cấp chính quyền của tỉnh được công khai trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, Cổng TTĐT của tỉnh; 100% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương trên Trang TTĐT của cơ quan, đơn vị mình.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm soát chất lượng, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh quyết định công bố; đồng thời, cập nhật các TTHC đã được công bố trên địa bàn tỉnh lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC đầy đủ và đúng quy định.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên rà soát, cập nhật, đăng tải, công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết lên Cổng/Trang TTĐT của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục duy trì các kết quả đã đạt được, phát huy hơn nữa kết quả thực hiện công tác cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh.

- Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường sử dụng hệ thống iGate trong giải quyết TTHC, đặc biệt là TTHC cấp xã, đảm bảo công khai đầy đủ kết quả giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.4. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 99,5% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo quyết liệt các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và thường xuyên theo dõi việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của các sở, ban, ngành (đặc biệt là TTHC lĩnh vực đất đai), để kịp thời báo cáo, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chấn chỉnh, xử lý đối với những cơ quan, đơn vị, cá nhân khi giải quyết hồ sơ TTHC không đảm bảo, không đúng quy định.

- Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với quy trình giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, xử lý nghiêm trường hợp viên chức, người lao động tại Chi nhánh Văn phòng đất đai có hành vi trái quy định pháp luật trong giải quyết TTHC.

- Văn phòng UBND tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố:

+ Rà soát lại cơ sở vật chất (trụ sở), trang thiết bị của Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã, đặc biệt các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn... để sớm có kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bổ sung đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân tại cơ sở tốt nhất;

+ Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức cấp xã được cử đến công tác tại Bộ phận Một cửa về việc chấp hành thời gian làm việc, các quy định của pháp luật về chế độ công vụ, quy chế văn hóa công sở, nội quy của cơ quan; tiến độ xử lý công việc được giao, thái độ, tác phong, giao tiếp, ứng xử...

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.5. Tiêu chí “Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý trên địa bàn tỉnh đánh giá tốt về tổ chức bộ máy hành chính của tỉnh.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Nội vụ:
 - + Tiếp tục theo dõi và đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai tốt công tác tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh.
 - + Phối hợp điều tra xã hội học về đánh giá tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính.
- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:
 - + Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện.
 - + Chủ động, thường xuyên báo cáo về công tác tổ chức bộ máy.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.
- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.6. Tiêu chí “Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt. 100% đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Nội vụ:
 - + Đề xuất UBND tỉnh tạm thời phê duyệt vị trí việc làm cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập khi thực hiện sáp nhập, kiện toàn lại tổ chức bộ máy để làm căn cứ cho việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức viên chức cho đến khi các Bộ chuyên ngành ban hành Thông tư hướng dẫn mới về vị trí việc làm.
 - + Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng tạm thời đề án vị trí việc làm sau khi thực hiện sáp nhập, kiện toàn lại tổ chức bộ máy.

+ Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan triển khai thực hiện đúng quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trong đó phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

+ Tăng cường thanh tra công tác nội vụ nhằm kịp thời phát hiện và chấn chỉnh, xử lý nghiêm các cơ quan, đơn vị, địa phương để xảy ra sai phạm trong tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Xây dựng tạm thời đề án vị trí việc làm sau khi thực hiện sáp nhập, kiện toàn lại tổ chức bộ máy.

+ Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện tự kiểm tra, rà soát công tác tuyển dụng, quản lý và sử dụng công chức, viên chức của đơn vị mình để kịp thời xử lý, khắc phục những hạn chế, tồn tại, thiếu sót.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.7. Tiêu chí “Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý trên địa bàn tỉnh đánh giá tốt về quản lý cán bộ, công chức của tỉnh.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Nội vụ: Tiếp tục theo dõi và đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai tốt công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao chất lượng đánh giá tác động trong năm.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực thi công vụ của đội ngũ CBCCVC.

+ Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCCVC nâng cao năng lực thực thi công vụ, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong thời điểm hiện nay.

+ Tăng cường thực hiện đề án văn hóa công vụ, cải thiện phương pháp phục vụ người dân nhất là trong việc thực hiện các TTHC về thời gian cũng như nội dung tham mưu từ đó nâng cao được sự hài lòng của người dân.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.8. Tiêu chí thành phần “Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước”:

a) Mục tiêu, yêu cầu:

Phần đầu đạt tỷ lệ trên 95% theo Kết luận số 521-KL/TU ngày 12/5/2022 của Tỉnh ủy Đắk Lắk tại Hội nghị chuyên đề về công tác đầu tư công và giải ngân vốn đầu tư công; Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 14/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2021.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư:

+ Tham mưu UBND tỉnh: Thành lập các Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 trên địa bàn tỉnh; triển khai họp Hội đồng thẩm định để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chủ trương đầu tư các dự án phòng chống sạt lở, bảo đảm an toàn hồ chứa, khắc phục hậu quả thiên tai thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (số vốn dự kiến là 123 tỷ đồng); kịp thời tham mưu điều chuyển vốn từ các chương trình, dự án chậm giải ngân sang công trình, dự án có khối lượng và nhu cầu về vốn để tăng tỷ lệ giải ngân.

+ Tham mưu công tác triển khai, đôn đốc, kiểm tra, tháo gỡ vướng mắc và báo cáo kết quả thực hiện các dự án thu tiền sử dụng đất năm 2022 và giai đoạn 2021-2025; chủ trì rà soát các dự án thu tiền sử dụng đất để tham mưu tăng kế hoạch thu biện pháp tài chính giai đoạn 2021-2025 nhằm đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ cho đầu tư phát triển trong thời gian tới.

- Sở Tài chính:

+ Kịp thời cấp mã số dự án; tiếp tục nhập vốn cho các dự án ngay sau khi UBND tỉnh có Quyết định phân bổ vốn cho các chủ đầu tư.

+ Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh vốn từ các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp sang các dự án thiếu vốn.

+ Theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư, ban quản lý, các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác đăng ký cấp mã dự án; đối với các dự án đã được cấp vốn khẩn trương thực hiện, giải ngân đảm bảo kế hoạch được giao.

+ Tiếp tục đôn đốc các chủ đầu tư trong việc thực hiện thanh toán, quyết toán dự án hoàn thành, đảm bảo đúng quy định về thời gian.

- Tập trung nhân lực để thẩm định hồ sơ theo đúng quy định, đảm bảo chất lượng thẩm định hồ sơ và thời gian thẩm định, kịp thời trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chuẩn bị tốt các mỏ đất để khai thác phục vụ xây dựng tuyến đường cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột khi được Quốc Hội thông qua.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý đấu thầu, đẩy mạnh triển khai thực hiện đấu thầu qua mạng theo quy định.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố:

+ Đăng ký kế hoạch giải ngân cụ thể từng dự án theo các mốc thời gian 30/6/2022; 31/12/2022, 31/01/2023 và cam kết giải ngân từng dự án gửi về Phòng Tài chính-Kế hoạch tổng hợp tham mưu UBND huyện đăng ký trên địa bàn huyện, báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo dõi, tham mưu UBND tỉnh điều chuyển vốn theo quy định. Khẩn trương thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022. Nhất là đối với kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian sang năm 2022 thời hạn giải ngân đến hết ngày 31/12/2022.

+ Chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan tích cực thực hiện các thủ tục về công tác giải phóng mặt bằng, nhằm sớm bàn giao mặt bằng cho đơn vị nhà thầu để thi công công trình.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.9. Tiêu chí thành phần “Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện 100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách; báo cáo tình hình triển khai thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (nội dung trọng tâm là tỷ lệ % số tiền nộp ngân sách nhà nước theo kiến nghị thanh tra, kiểm toán về tài chính ngân sách).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.10. Tiêu chí thành phần “Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Không có sai phạm được phát hiện trong năm 2022.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Thực hiện dự toán năm 2022 được giao theo đúng các quy định và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính.
- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.11. Tiêu chí “Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý trên địa bàn tỉnh đánh giá tốt về quản lý tài chính công của tỉnh.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tuyên truyền việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị và đổi mới phương pháp điều tra xã hội học.

- Tuyên truyền việc thực hiện hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công và đổi mới phương pháp điều tra xã hội học.

- Tổ chức triển khai hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

- Tổ chức triển khai hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.12. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công (DVC) quốc gia”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% DVC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan, rà soát, tích hợp tất cả các DVC trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng DVC quốc gia.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh rà soát các TTHC, tái cấu trúc quy trình để đảm bảo thực hiện trên môi trường điện tử và tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở xây dựng thành các dịch vụ công trực tuyến.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.13. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Năm 2022 đạt tỷ lệ 5% số hồ sơ TTHC trở lên trên tổng số hồ sơ của các TTHC có cung cấp dịch vụ Bưu chính công ích.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

Tổ chức sơ kết mô hình giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó tham mưu UBND tỉnh xây dựng Đề án giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện tiếp nhận, hướng dẫn, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ, Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Xây dựng cơ chế chính sách để thúc đẩy việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.14. Tiêu chí “Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý trên địa bàn tỉnh đánh giá tốt đến hiện đại hóa hành chính của tỉnh.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

Các cơ quan, đơn vị chủ động triển khai, kiểm tra, đánh giá hiện trạng Cổng/Trang TTĐT của đơn vị mình đảm bảo cung cấp thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang TTĐT hoặc Cổng TTĐT của cơ quan nhà nước; Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước để cơ quan, đơn vị đề xuất nâng cấp theo quy định;

Ngoài ra, Cổng/Trang TTĐT của cơ quan, đơn vị, địa phương phải xây dựng chuyên mục “Lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân” để kịp thời trả lời phản ánh, kiến nghị và tiếp thu các ý kiến đóng góp của người dân, tổ chức về các văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương, chính sách về ngành, lĩnh vực.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.15. Tiêu chí “Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh trong năm 2022 cao hơn so với năm 2021 (đơn vị tính là: tỷ đồng).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tập trung tháo gỡ vướng mắc các dự án trọng điểm và hỗ trợ, cùng tháo gỡ vướng mắc các dự án do nhà đầu tư đã khảo sát để dự án đảm bảo đủ điều kiện thực hiện hoàn tất thủ tục đăng ký đầu tư;

- Tiếp tục đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động xúc tiến đầu tư phù hợp với tình hình mới; tăng cường tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, cơ hội đầu tư, các lợi thế của tỉnh, các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh: tập trung thu hút đầu tư vào các dự án hạ tầng đô thị, năng lượng tái tạo, dự án nông nghiệp nông thôn, các dự án xã hội hóa...; kêu gọi các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính, công nghệ tiên tiến trong và ngoài nước để mời gọi quan tâm đầu tư vào tỉnh.

- Nhằm tạo quỹ đất và các điều kiện thuận lợi cho công tác thu hút đầu tư, một số công tác cần tập trung thực hiện:

- + Tập trung thực hiện rà soát, điều chỉnh các quy hoạch (quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng...);

- + Ban hành danh mục kêu gọi đầu tư (thông tin rõ ràng về địa điểm đầu tư có các quy hoạch phù hợp, cụ thể hình thức lựa chọn nhà đầu tư đối với từng dự án);

- + Ban hành Nghị quyết danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ địa bàn tỉnh;

- + Rà soát, kiểm tra tiến độ các dự án đã được giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án, kiên quyết thu hồi các dự án thực hiện chậm theo quy định.

c) Phân công trách nhiệm:

- Cơ quan chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.16. Tiêu chí “Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tổng số doanh nghiệp thành lập mới tăng từ 20%

trở lên so với năm 2021.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tăng cường tuyên truyền, vận động các hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động chuyển sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp; nâng cao ý thức, trách nhiệm của công chức trong việc hướng dẫn giải quyết hồ sơ để giúp doanh nghiệp giảm bớt thời gian thực hiện thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian gia nhập thị trường.

- Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, chủ động rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC cho doanh nghiệp; triển khai có hiệu quả Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa; các chính sách khác của Trung ương về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, trong đó chú trọng tư vấn, hỗ trợ về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp; chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang doanh nghiệp đảm bảo các điều kiện theo quy định 4 của pháp luật; khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có trụ sở ngoài tỉnh thành lập mới các chi nhánh hoạt động trên địa bàn tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm:

- Cơ quan chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh/Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.17. Tiêu chí “Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao”:

a) Mục tiêu: 100% chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao đạt và vượt kế hoạch.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung, quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 02/11/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022; Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2022; Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ; Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 về việc ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2022; Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Chương trình số 1987/CTr-UBND ngày 15/3/2020 của UBND tỉnh) và các văn bản có liên quan.

- Tiếp tục kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn; tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội với tinh thần thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh; ổn định sản xuất, kinh doanh, bảo

đảm an sinh xã hội, đời sống của người dân trong trạng thái bình thường mới theo Nghị quyết số 128/NQCP ngày 11/10/2021, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022, Công điện số 126/CD-TTg ngày 12/02/2022 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Chương trình số 1987/CTr-UBND ngày 15/3/2020 của UBND tỉnh) và các văn bản có liên quan.

- Tích cực triển khai kịp thời, hiệu quả các gói hỗ trợ của Trung ương cho các doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19 và các chương trình cho vay ưu đãi đối với các đối tượng ưu tiên theo quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn thực hiện và kế hoạch của tỉnh; đồng thời tiếp tục rà soát các cơ chế, chính sách hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19, nhằm phát hiện các bất cập, vướng mắc để kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi bổ sung, thay thế cho phù hợp.

- Tích cực huy động mọi nguồn lực cho phát triển và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; thực hiện hiệu quả công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương để hoàn thiện các thủ tục đầu tư dự án xây dựng tuyến Đường cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 09/7/2020 của Chính phủ ban hành về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó phối hợp cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ về thí điểm cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột theo Kết luận số 67-KL/TW trình Chính phủ xem xét trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 4, Khóa XV.

- Tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định.

- Đôn đốc, tổ chức kiểm tra tiến độ triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư dự án, công tác giải ngân vốn đầu tư công; phấn đấu giải ngân đạt mức cao nhất so với kế hoạch đề ra.

- Tăng cường thu hút đầu tư; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

- Đẩy mạnh chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung, nâng cao giá trị sản phẩm, có thị trường tiêu thụ. Tăng cường kết nối với các tỉnh thực hiện kết nối giao thương để các cơ sở, doanh nghiệp có điều kiện kết nối thị trường tiêu thụ

sản phẩm của tỉnh. Chú trọng thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; chương trình mỗi xã một sản phẩm. Tăng cường quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn và triển khai công tác trồng rừng năm 2022. Dự báo sát diễn biến thời tiết để có cảnh báo kịp thời cho các địa phương và người dân chủ động ứng phó, ổn định sản xuất.

- Thực hiện có hiệu quả việc quản lý thu ngân sách, chống thất thu thuế và đẩy mạnh thu biện pháp tài chính, phấn đấu đạt mức dự toán đề ra. Thực hiện cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư, thu hút vốn đầu tư;

- Thực hiện kịp thời các chế độ, chính sách an sinh xã hội, người có công; thực hiện tốt công tác bảo trợ xã hội, giảm nghèo bền vững, phòng chống các tệ nạn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động;

- Tăng cường lực lượng, bảo đảm vững chắc an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội; chuẩn bị Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh theo kế hoạch được duyệt. Nâng cao chất lượng công tác điều tra, xử lý tội phạm; tìm kiếm tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm:

- Cơ quan làm đầu mối tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý chủ động triển khai thực hiện và tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện theo quy định.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

2. Cải thiện, nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS):

2.1. Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ tăng ít nhất 2% so với năm 2021.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và Bưu điện tỉnh (đối với những nơi đã chuyển Bộ phận Một cửa sang Bưu điện):

+ Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin để người dân, tổ chức biết về cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC một cách dễ dàng, nhanh chóng tại trụ sở của cơ quan, trên Trang Thông tin điện tử. Ngoài ra, mở rộng các hình thức thông tin để người dân, tổ chức biết về cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC qua Đài Truyền thanh - Truyền hình, qua mạng xã hội.

+ Nâng cấp cơ sở vật chất trụ sở và quan tâm cải thiện nơi làm việc, bổ sung thêm trang thiết bị, phương tiện phục vụ tiếp đón và làm việc tại Bộ phận

Một cửa đảm bảo đầy đủ biển hiệu, hướng dẫn rõ ràng, dễ thấy; đủ chỗ ngồi cho người dân, tổ chức đến giao dịch; trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức đầy đủ, dễ sử dụng; khắc phục những điểm bất hợp lý trong không gian đón tiếp, làm việc với người dân, tổ chức, chấm dứt tình trạng người dân, tổ chức phải đứng làm việc với cơ quan nhà nước hoặc vị trí ngồi giao dịch còn bất tiện, kém thoải mái.

- Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, tăng cường kiểm tra, tham mưu chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương về bố trí đầy đủ trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Bưu điện tỉnh;

- Cơ quan theo dõi, phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

2.2. Chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Nâng cao tỷ lệ hài lòng so với năm 2021.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

Giao các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện:

- Phải niêm yết công khai, minh bạch TTHC tại vị trí thuận tiện, khoa học để người dân dễ tiếp cận, tìm hiểu; cập nhật đầy đủ, kịp thời những thay đổi của TTHC khi có quyết định công bố của UBND tỉnh.

- Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền các hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các Công/Trang TTĐT, vận hành hiệu quả Trang TTĐT của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và có giải pháp để hỗ trợ, giúp người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Nghiêm túc rà soát, kiến nghị đơn giản hóa những TTHC rườm rà, phức tạp, không phù hợp; hoặc đề xuất bổ sung loại giấy tờ cần thiết vào trong quy định, tránh tình trạng công chức giải quyết tự ý đòi bổ sung thêm các giấy tờ khác ngoài quy định; tăng cường các biện pháp hướng dẫn, hỗ trợ người dân, tổ chức trong việc lập hồ sơ, TTHC (như xây dựng các bộ biểu mẫu tham khảo; sơ đồ thực hiện các bước, quy trình giải quyết TTHC; thành lập các tổ tư vấn thực hiện thủ tục ngay tại Bộ phận Một cửa, tư vấn qua điện thoại, website, ứng dụng di động,...).

- Thực hiện đảm bảo đúng quy trình quy định trong giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông nhất là về thành phần hồ sơ, mức phí/lệ phí và thời hạn giải quyết.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Bưu điện tỉnh.

- Cơ quan theo dõi, phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

2.3. Chỉ số hài lòng về công chức tại Bộ phận Một cửa:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Chỉ số hài lòng về công chức giải quyết TTHC tăng ít nhất 2% so với năm 2021.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Giao các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và Bưu điện tỉnh:

+ Tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra và xử lý ngay các trường hợp vi phạm về thái độ giao tiếp ứng xử, nội quy, giờ giấc làm việc. Chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên bưu điện đòi hỏi giấy tờ sai quy định, tự đặt thêm khâu công việc, những nhiễu, tiêu cực. Chấp hành nghiêm các quy định về hướng dẫn hồ sơ bằng Phiếu hướng dẫn, đề nghị bổ sung hồ sơ không quá 01 lần và bằng văn bản, đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết phải có thông báo từ chối giải quyết hồ sơ, hồ sơ trễ hẹn phải có thông báo hẹn lại thời gian trả kết quả,... Không để người dân, tổ chức phải đi lại nhiều lần.

+ Các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên bồi dưỡng, hỗ trợ cho nhân viên bưu điện làm việc tại Bộ phận Một cửa để nắm vững quy định về TTHC để cung cấp thông tin, hướng dẫn TTHC cho người dân, tổ chức đúng quy định, tận tình và chu đáo.

+ Phân công lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp theo dõi và chịu trách nhiệm về hoạt động của Bộ phận Một cửa, về thái độ, tinh thần trách nhiệm và năng lực giải quyết công việc của công chức một cửa và công chức chuyên môn có liên quan.

- Văn phòng UBND tỉnh:

+ Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hoạt động của Bộ phận Một cửa, việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên bưu điện tại Bộ phận Một cửa; khi có phản ánh của người dân về thái độ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên bưu điện tại Bộ phận Một cửa thì xác định lỗi và đề nghị thay đổi vị trí công tác (nếu cần).

+ Tăng cường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bưu điện làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm, năng lực chuyên môn khi tiếp nhận hồ sơ TTHC.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Bưu điện tỉnh.

- Cơ quan chủ trì theo dõi, phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

2.4. Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC:

a) Mục tiêu, yêu cầu: nâng cao tỷ lệ hài lòng so với năm 2021.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Nội vụ tăng cường công tác kiểm tra, trọng tâm là thực hiện trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp, đơn vị sự nghiệp công lập trong công tác cải cách TTHC; trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức phải đảm bảo kết quả giải quyết phù hợp với quy định, đầy đủ thông tin, thông tin chính xác và đảm bảo tính công bằng; kiên quyết xử lý hoặc đề nghị xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

- Giao các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và Bưu điện tỉnh:

+ Thực hiện nghiêm quy trình giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; kiểm soát chặt chẽ quy trình giải quyết. Đẩy mạnh ứng dụng phần mềm một cửa điện tử dùng chung để nâng cao tính công khai, minh bạch và kiểm soát việc giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Thực hiện nghiêm túc việc công khai xin lỗi người dân, tổ chức khi giải quyết TTHC xảy ra sai sót, quá hạn đối với kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Triển khai đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 về việc ban hành kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Bưu điện tỉnh.

- Cơ quan theo dõi, phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

2.5. Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến TTHC:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến TTHC tăng ít nhất 2% so với năm 2021.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến TTHC và công khai kết quả xử lý phản ánh kiến nghị theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và Bru điện tỉnh:

+ Phân công cán bộ, công chức, viên chức sẵn sàng tiếp nhận, giải đáp, hướng dẫn những vấn đề mà người dân, tổ chức còn vướng mắc; kết quả trả lời, giải đáp những vướng mắc, phản ánh, kiến nghị phải được phản hồi trực tiếp, nhanh chóng cho người dân, tổ chức và công bố công khai qua Cổng/Trang Thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại nơi làm việc và các hình thức phù hợp khác.

+ Công khai số điện thoại đường dây nóng của phòng Kiểm soát TTHC - Văn phòng UBND tỉnh, của lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về giải quyết TTHC.

+ Kiểm tra và tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh, ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014; và được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3. Tiếp tục duy trì, nâng cao các tiêu chí, tiêu chí thành phần đã thực hiện tốt:

Tiếp tục xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các mục tiêu cụ thể nhằm duy trì, nâng cao PAR Index tỉnh trong năm 2022 đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần đã thực hiện tốt: Chi tiết tại Phụ lục II - Các tiêu chí cần duy trì, nâng cao PAR Index tỉnh Đắk Lắk năm 2022.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện cải thiện đối với từng nội dung, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện theo chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được xác định.

- Định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nội dung trong Kế hoạch này theo mục tiêu tại Phụ lục I (lồng ghép trong Báo cáo CCHC) gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Giải trình và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả khảo sát của PAR Index, SIPAS năm 2022 tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Sở Nội vụ (cơ quan thường trực tham mưu, triển khai công tác CCHC)

- Tổ chức thực hiện, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ được phân công.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch này (lồng ghép trong báo cáo CCHC).

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định hiện hành.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Lắk, Văn phòng UBND tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về việc thực hiện cải thiện PAR Index, SIPAS năm 2022 của tỉnh, thông tin kịp thời những sáng kiến, giải pháp CCHC của tỉnh đến người dân, doanh nghiệp.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh giám sát, phối hợp triển khai Kế hoạch và tuyên truyền về việc thực hiện cải thiện PAR Index, SIPAS năm 2022 của tỉnh; thông tin kịp thời những sáng kiến, giải pháp CCHC của tỉnh đến người dân, doanh nghiệp. Kịp thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác truyền thông nhằm tạo sự ủng hộ và tham gia của cá nhân, tổ chức đối với công tác CCHC, đồng thời giám sát việc thực hiện công tác CCHC, nhất là giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết hoặc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Trên đây là Kế hoạch nâng cao PAR Index và SIPAS năm 2022 của tỉnh. Yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Bưu điện tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn (giao UBND các huyện, thị xã, thành phố gửi);
- Các phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC_(Hly 10)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục I
MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX) VÀ CHỈ SỐ HÀI LÒNG
VỀ SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (SIPAS) NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2022	Thứ hạng phần đầu trong năm 2022 (tỉnh, thành phố)	Chủ trì tham mưu
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	8.5	8.5	10/63	
1.1	Thực hiện Kế hoạch CCHC năm	1.5	1.5		Sở Nội vụ
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	0.5	0.5		
1.3	Kiểm tra CCHC	2	2		
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1	1		
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC	2	2		
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1.5	1.5		
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH	10	9.2	30/63	
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2	2		Sở Tư pháp

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2022	Thứ hạng phần đầu trong năm 2022 (tỉnh, thành phố)	Chủ trì tham mưu
2.2	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)	1.5	1.5		
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	1.5	1.5		
2.4	Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành	5	4.2		
2.4.1	<i>Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh</i>	1	0.9		
2.4.2	<i>Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh</i>	1	0.9		
2.4.3	<i>Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh</i>	1.5	1.2		
2.4.4	<i>Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh</i>	1.5	1.2		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	13.5	13.1		
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	1	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2022	Thứ hạng phần đầu trong năm 2022 (tỉnh, thành phố)	Chủ trì tham mưu
3.2	Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	3.5	3.2		Văn phòng UBND tỉnh
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3	3		
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	5	4.9		
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1	1		
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	11.5	10.6		
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	3.5	3.5		Sở Nội vụ
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	1	1		
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	1.5	1.5		
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015	1	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2022	Thứ hạng phần đầu trong năm 2022 (tỉnh, thành phố)	Chủ trì tham mưu
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	2.5	2.5		Sở Nội vụ
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	0.5	0.5		
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	0.5	0.5		
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	1.5	1.5		
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	1	1		
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	0.25	0.25		Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Xây dựng.
4.3.2	Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	0.25	0.25		
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	0.5	0.5		
4.4	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	4.5	3.6		
4.4.1	<i>Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh</i>	1.5	1.2		Văn phòng UBND tỉnh
4.4.2	<i>Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ</i>	1.5	1.2		Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2022	Thứ hạng phần đầu trong năm 2022 (tỉnh, thành phố)	Chủ trì tham mưu
	<i>máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh</i>				
4.4.3	<i>Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện</i>	1.5	1.2		Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Xây dựng.
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	13.5	12.46	30/63	
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2.5	2.5		Sở Nội vụ
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	1	1		
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh	0.5	0.5		
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	0.75	0.75		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2022	Thứ hạng phần đầu trong năm 2022 (tỉnh, thành phố)	Chủ trì tham mưu
5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1.25	1.25		
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1	1		
5.7	Cán bộ, công chức cấp xã	0.5	0.5		
5.8	Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức	2	1.84		
5.8.1	<i>Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức</i>	1	0.92		
5.8.2	<i>Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức</i>	1	0.92		
5.9	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức	4	3.12		
5.9.1	<i>Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc</i>	1	0.8		
5.9.2	<i>Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc</i>	1	0.85		
5.9.3	<i>Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc</i>	1	0.85		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2022	Thứ hạng phần đầu trong năm 2022 (tỉnh, thành phố)	Chủ trì tham mưu
5.9.4	<i>Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính</i>	1	0.62		
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	12	11.45	04/63	
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	3	2.95		Sở Kế hoạch và Đầu tư
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1	0.95		
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1	1		Sở Tài chính
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước về tài chính, ngân sách	1	1		
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2	2		
6.2.1	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	0.5	0.5		
6.2.2	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0.5	0.5		
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0.75	0.75		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2022	Thứ hạng phần đầu trong năm 2022 (tỉnh, thành phố)	Chủ trì tham mưu
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	0.25	0.25		
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	3	3		
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên	0.5	0.5		
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0.5	0.5		
6.3.3	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL	1	1		
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	1	1		
6.4	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	4	3.5		
6.4.1	<i>Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị</i>	1	0.95		
6.4.2	<i>Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công</i>	1	0.85		
6.4.3	<i>Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</i>	1	0.85		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2022	Thứ hạng phần đầu trong năm 2022 (tỉnh, thành phố)	Chủ trì tham mưu
6.4.4	<i>Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập</i>	1	0.85		
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	15	14.45	10/63	
7.1	Ứng dụng CNTT của tỉnh	7.25	7.25		
7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	0.5	0.5		Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.2	Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh	0.5	0.5		
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính Nhà nước dưới dạng điện tử	1	1		
7.1.4	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	0.5	0.5		
7.1.5	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	1	1		
7.1.6	Thiết lập Hệ thống thông tin một cửa điện tử	0.5	0.5		
7.1.7	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	0.75	0.75		
7.1.8	Xây dựng, vận hành Cổng dịch vụ công	0.5	0.5		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2022	Thứ hạng phần đầu trong năm 2022 (tỉnh, thành phố)	Chủ trì tham mưu
7.1.9	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia	1	1		Văn phòng UBND tỉnh
7.1.10	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	0.5	0.5		
7.1.11	Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	0.5	0.5		
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1.5	1.45		Sở Thông tin và Truyền thông
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0.5	0.45		
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	1	1		
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	1.25	1.25		
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0.25	0.25		
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0.5	0.5		
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	0.5	0.5		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2022	Thứ hạng phần đầu trong năm 2022 (tỉnh, thành phố)	Chủ trì tham mưu
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	1	1		Sở Khoa học và Công nghệ
7.5	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính	4	3.5		
7.5.1	<i>Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của tỉnh</i>	1	0.9		
7.5.2	<i>Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang Thông tin của tỉnh</i>	1	0.85		Sở Thông tin và Truyền thông
7.5.3	<i>Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của tỉnh</i>	1	0.9		
7.5.4	<i>Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO</i>	1	0.85		Sở Khoa học và Công nghệ
8	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH	16	13.2		20/63
8.1	Kết quả Chỉ số hài lòng (SIPAS)	10	8.2		Sở Nội vụ
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1	1		Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh	2	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Mục tiêu năm 2022	Thứ hạng phần đầu trong năm 2022 (tỉnh, thành phố)	Chủ trì tham mưu	
8.3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	1	1			
8.3.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	1	1			Sở Tài chính
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	1	1			
8.5	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	1	0.5		Sở Kế hoạch và Đầu tư	
8.6	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	1	0.5			
TỔNG ĐIỂM		100	92.96			

Phụ lục II
TIÊU CHÍ ĐẠT THEO MỤC TIÊU TIẾP TỤC DUY TRÌ, NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số _____ /KH-UBND ngày ____ / ____ /2022 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Trách nhiệm cơ quan chủ trì
	I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	
1	1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC	Sở Nội vụ
2	1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	
3	1.3	Công tác kiểm tra CCHC	
4	1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	
5	1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC	
	II	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH	
7	2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (THPL)	Sở Tư pháp
8	2.2	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)	
9	2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	
	III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
10	3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	

11	3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	Văn phòng UBND tỉnh
12	3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	
	IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	Sở Nội vụ
	4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	
13	4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	
14	4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	
15	4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015	
	4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	
16	4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	
17	4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	
18	4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	
19	4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	
20	4.3.2	Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	

	V	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	
21	5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	Sở Nội vụ
22	5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	
23	5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh	
24	5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	
25	5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	
26	5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
	VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	
27	6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	Sở Tài chính
28	6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	
	6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	
29	6.2.1	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	
30	6.2.2	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	
31	6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	
32	6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	

	6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	
33	6.3.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	
34	6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	
35	6.3.3	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL	
36	6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	
	VII	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	
37	7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	
38	7.1.2	Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	
39	7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	
40	7.1.4	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	
41	7.1.5	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	
42	7.1.6	Thiết lập Hệ thống thông tin một cửa điện tử	
43	7.1.7	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	
44	7.1.8	Xây dựng, vận hành Cổng dịch vụ công (DVC)	
45	7.1.10	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	
46	7.1.11	Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh

	7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông
47	7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ	
48	7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	
49	7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	
50	7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	
51	7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ
	VIII	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH	
52	8.3.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	Sở Tài chính
53	8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	